

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/ HNGĐ - ST
Ngày: 18/11/2019
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:- Bà Lại Thị Thúy Hằng

- Bà Thái Thị Thủy Tiên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Đỗ Nhật T – sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: chị Hà Thị Cẩm V – sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Đỗ Nhật T trình bày: anh và chị Hà Thị Cẩm V tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L vào năm 2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2019. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong mọi việc và trong cuộc sống. Nay tình cảm không còn anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hà Thị Cẩm V

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Tại bản tự khai bị đơn chị Hà Thị Cẩm V trình bày: chị thống nhất với anh T về con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, theo chị thì vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, nguyên nhân là do khi chị có thai và bị hư thai thì gia đình chồng và chồng lạnh nhạt cho rằng chị vô lễ. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 18/5/2019 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: không có.
Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Đỗ Nhật T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Hà Thị Cẩm V nên quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Đỗ Nhật T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Hà Thị Cẩm V nên anh T là nguyên đơn, còn chị V là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Đỗ Nhật T và chị Hà Thị Cẩm V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị V.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị V kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn theo anh Tiến cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và trong cách hành xử nên yêu cầu ly hôn. Chị V cho rằng vợ chồng chung sống mâu thuẫn từ việc chị mang thai và hư thai nên vợ chồng lạnh nhạt. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị thống nhất ly hôn nên công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

[5] Về con chung: không có.

[6] Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị công nhận cho anh T và chị V thuận tình ly hôn; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 53, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Nhật T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Đỗ Nhật T và chị Hà Thị Cẩm V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: anh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001951 ngày 22/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát huyện C;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã X;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thùy Trang